TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: không tham gia .

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST- HNGĐ ngày12 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H**,** sinh năm: 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 11, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm: 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
ĐKHKTT: Tổ 8, ấp P, xã B, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 12/5/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau từ năm 2019, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian sống chung, đầu năm 2023 chúng tôi đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, tiền bạc và quan điểm sống nên đã xãy ra nhiều cuộc cải vã. Chúng tôi đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng vẫn không giải quyết được và chúng tôi ly thân nhau cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

-*Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 4/3/2020. Hiện cháu đang sống với chị H. Sau ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2023 bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh và chị H tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 2019, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H anh cũng đồng ý ly hôn.

-*Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 4/3/2020. Hiện cháu đang sống với chị H. Sau ly hôn anh đồng ý giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn và anh Nguyễn Đức T là bị đơn trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức T chung sống với nhau vào năm 2019, tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo giấy xác nhận số 249 ngày 12/09/2022 thì theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Hvà anh Thắng. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa chị chị H và anh T đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của Hà và anh Thắng đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị H và anh T không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức T là phù hợp.

[2.2]Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 4/3/2020. Hiện cháu đang sống với chị H. Sau ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng nuôi con, còn anh Thắng cũng đồng ý giao cháu Phương cho chị Hnuôi dưỡng. Xét thấy cháu P từ nhỏ sống với chị H được chị H chăm sóc ổn định. Do đó để tạo điều kiện cho chị H chăm sóc cháu, nghĩ nên để chị H được nuôi cháu P là phù hợp, anh T không cấp dưỡng nuôi

con. Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[2.*3] Về tài sản và nợ chung*: chị Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.*4] Về án phí***:** Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức T.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Hà P, sinh ngày 4/3/2020, hiện cháu đang sống với chị H. Sau ly hôn chị H được nuôi dưỡng cháu Phương, anh Thắng không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Hphải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004288 ngày 12/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5.Về kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung